

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

- Nhận biết và đọc đúng các âm *i, k*; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu có các âm *i, k*; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.
- Viết đúng các chữ *i, k*; viết đúng các tiếng, từ ngữ có chữ *i, k*.
- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các âm *i, k* có trong bài học.
- Phát triển kỹ năng nói lời giới thiệu, làm quen.
- Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết nhân vật và suy đoán nội dung các tranh minh họa: 1. Tranh Nam đang vẽ, bức vẽ sắp hoàn thành; 2. Tranh một con kì đà đang bò ở kê đá; 3. Tranh Nam và một bạn khác đang nói chuyện, làm quen với nhau ở hành lang lớp học.
- Cảm nhận được tình cảm bạn bè khi được cùng học, cùng chơi, cùng trò chuyện.

II CHUẨN BỊ

- GV cần nắm vững cách phát âm của các âm *i, k*; cấu tạo, và cách viết các chữ *i, k*.
- Nắm vững nghĩa của các từ ngữ trong bài học và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.
- Hiểu về loài động vật được giới thiệu trong bài:

Kì đà là một loài bò sát, thường sống ở những vùng rừng rậm gần sông suối, khe lạch, các đầm lầy, các cù lao, các khu rừng ẩm thấp của miền nhiệt đới. Phần lớn chúng làm tổ trong những hốc cây, kê đá. Chúng thường bắt chuột, bọ, ếch, nhái, cá làm thức ăn. Kì đà leo trèo rất giỏi, đặc biệt là leo trên đá, trên cây.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**TIẾT 1****1. Khởi động**

Khởi động tạo tâm thế cho giờ học đầu tuần.

2. Nhận biết

- Yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi *Em thấy gì trong tranh?* Một số (2 – 3) HS trả lời.
- GV và HS thống nhất câu trả lời.
- GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo. GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: *Nam/ vè/ kì đà.*
- GV giúp HS nhận biết tiếng có âm *i, k* và giới thiệu chữ ghi âm *i, k*.

3. Đọc

a. Đọc âm

- Đọc âm *i*
 - + GV đưa chữ *i* lên bảng để giúp HS nhận biết chữ mới trong bài học này.
 - + GV đọc mẫu âm *i*.
 - + Một số (4 – 5) HS đọc âm *i*, sau đó từng nhóm và cả lớp đọc đồng thanh một số lần.
- Đọc âm *k*
Quy trình giống với quy trình đọc âm *i*.

b. Đọc tiếng

- Đọc tiếng mẫu
 - + GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu *ki, ki* (trong SHS). GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng *ki, ki*.
 - + Một số (4 – 5) HS đánh vần tiếng mẫu *ki, ki* (*cờ - i - ki; cờ - i - ki - huyền - ki*). GV lưu ý HS, *c* (xê) và *k* (ca) đều đọc là “cờ”. Âm “cờ” viết là *k* (ca) khi âm này đứng trước *i, e, ê*; viết là *c* (xê) khi đứng trước các âm còn lại. Lớp đánh vần đồng thanh tiếng mẫu.
 - + Một số (4 – 5) HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.
- Đọc tiếng trong SHS
 - + Đọc tiếng chứa *i*.
 - GV đưa các tiếng chứa *i*, yêu cầu HS tìm điểm chung (cùng chứa *i*).
 - Đánh vần tiếng: Một số HS đánh vần tất cả các tiếng có cùng âm đang học.
 - Đọc trơn các tiếng có cùng âm *i*.
 - + Đọc tiếng chứa âm *k*
Quy trình tương tự với quy trình đọc tiếng chứa âm *i*.
 - + Đọc trơn các tiếng chứa những chữ đang học: Một số (3 – 4) HS đọc trơn, mỗi HS đọc trơn 3 – 4 tiếng có cả hai âm.
 - + Một số (2 – 3) HS đọc tất cả các tiếng.

- Ghép chữ cái tạo tiếng
- + HS tự tạo các tiếng có chứa *i*.
- + GV yêu cầu 3 – 4 HS phân tích tiếng, 2 – 3 HS nêu lại cách ghép.
- + Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.

c. Đọc từ ngữ

- GV lần lượt đưa tranh minh họa cho từng từ ngữ: *bí đỏ, kê ô, đi đò, kì đà*. Sau khi đưa tranh minh họa cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn *bí đỏ*, GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ *bí đỏ* xuất hiện dưới tranh. HS phân tích và đánh vần tiếng *bí*, đọc trơn tiếng *bí*, đọc trơn từ ngữ *bí đỏ*. GV thực hiện các bước tương tự đối với *kê ô, đi đò, kì đà*.
- HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 – 4 lượt HS đọc. 2 – 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.

d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ

Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.

4. Viết bảng

- GV đưa mẫu các chữ *i, k* và hướng dẫn HS quan sát.
- GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình viết các chữ *i, k*.
- HS viết vào bảng con *i, k* và *kê, kì*.
- HS nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn.
- GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS.
- GV quan sát và sửa lỗi cho HS.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG
TIẾT 2

5. Viết vở

- HS tô và viết vào vở *Tập viết 1, tập một* chữ *i, k*; các từ *hổ, le le*.
- GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.
- GV nhận xét và sửa lỗi cho một số HS.

6. Đọc câu

- HS đọc thầm cả câu “Kì đà bò ở kê đá.”. Tìm các tiếng có âm *i, k*.
- GV giải thích nghĩa từ ngữ (nếu cần).
- GV đọc mẫu cả câu.
- HS đọc thành tiếng cả câu (theo cá nhân hoặc theo nhóm), sau đó cả lớp đọc đồng thanh theo GV.
- HS trả lời một số câu hỏi về nội dung câu văn đã đọc: *Kì đà bò ở đâu?...*
- GV và HS thống nhất câu trả lời.

7. Nói theo tranh

- HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời: *Các em nhìn thấy những ai trong tranh? Những người ấy đang ở đâu? Họ đang làm gì?*
- GV giới thiệu nội dung tranh: Nam và một bạn nam khác đang đứng nói chuyện, làm quen với nhau ở hành lang giữa hai lớp học.
- HS chia nhóm, đóng vai: 1 HS đóng vai Nam, 1 HS đóng vai bạn còn lại. Bạn hỏi (ví dụ: Bạn tên gì? Bạn học lớp nào?...), Nam trả lời (tự giới thiệu bản thân mình).
- Đại diện 1 – 2 nhóm đóng vai trước cả lớp, GV và HS nhận xét.

8. Củng cố

- HS tìm một số từ ngữ chứa âm *i, k* và đặt câu với các từ ngữ tìm được.
- GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.
- Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.